

Số: 67/2026/QĐST-DS

Đồng Tháp, ngày 24 tháng 3 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 16 tháng 3 năm 2026 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 339/2025/TLST-DS, ngày 10 tháng 11 năm 2025.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V; Địa chỉ: số H đường L, Phường Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Châu Nhật T, chức vụ: Cán bộ xử lý nợ thuộc Ngân hàng TMCP V; Địa chỉ liên hệ: số A, đường H, Phường C, tỉnh Đồng Tháp. Là người đại diện theo uỷ quyền.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Bé B, sinh năm 1966; Địa chỉ: Số E, ấp Đ, xã P, tỉnh Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Phan Thị Tuyết H, sinh năm 1967;

2. Anh Nguyễn Quốc T1, sinh năm 1990;

Cùng địa chỉ: Số E, ấp Đ, xã P, tỉnh Đồng Tháp.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Ông Nguyễn Văn Bé B và bà Phan Thị Tuyết H liên đới có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền vốn vay và lãi tính đến ngày 16/3/2026 tổng cộng là 467.340.662 đồng (bốn trăm sáu mươi bảy triệu ba trăm bốn mươi nghìn sáu

trăm sáu mươi hai đồng). Trong đó, nợ gốc là 407.719.046 đồng, nợ lãi trong hạn là 39.747.744 đồng, nợ lãi quá hạn là 19.873.872 đồng.

- Đối với số tiền mà vợ chồng ông Nguyễn Văn Bé B và bà Phan Thị Tuyết H còn nợ sẽ được tiếp tục tính lãi theo mức lãi suất quy định trong hợp đồng cho vay số LN2407233277104 và giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn, giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng Đ cùng ngày 09/8/2024 đã được ông B ký kết với Ngân hàng. Thời gian tính lãi kể từ ngày 17/3/2026 cho đến khi ông Nguyễn Văn Bé B và bà Phan Thị Tuyết H thanh toán xong nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần V.

- Trường hợp vợ chồng ông Nguyễn Văn Bé B và bà Phan Thị Tuyết H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện không đầy đủ theo hợp đồng cho vay số LN2407233277104 và giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn, giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng Đ cùng ngày 09/8/2024 đã được ông B ký kết với Ngân hàng thì Ngân hàng thương mại cổ phần V được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số: LN2407233277104 ngày 09/8/2024 mà ông Nguyễn Văn Bé B và bà Phan Thị Tuyết H đã ký kết với Ngân hàng thương mại cổ phần V. Nếu phát mãi các tài sản nêu trên mà vẫn chưa đủ trả nợ gốc và lãi phát sinh theo hợp đồng cho vay số LN2407233277104 và giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn, giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng Đ cùng ngày 09/8/2024 đã được ông B ký kết với Ngân hàng thì ông ông Nguyễn Văn Bé B và bà Phan Thị Tuyết H tiếp tục có nghĩa vụ trả nợ còn lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần V đến khi thanh toán xong nợ.

- Trường hợp vợ chồng ông Nguyễn Văn Bé B và bà Phan Thị Tuyết H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện không đầy đủ theo hợp đồng cho vay số LN2407233277104 và giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn, giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng Đ cùng ngày 09/8/2024 đã được ông B ký kết với Ngân hàng thì buộc anh Nguyễn Quốc T1 giao xe ô tô nhãn hiệu MG, số khung: MMLA36U61RG016098, số máy: 15S4C5QTR5090037, biển số đăng ký: 66F-008.82; màu sơn: xám, do Nguyễn Văn B1 Ba đứng tên trong giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 66 000435 do Công an huyện L cấp ngày 14/8/2024 để Cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế

chấp theo hợp đồng thế chấp số: LN2407233277104 ngày 09/8/2024 mà ông Nguyễn Văn Bé B và bà Phan Thị Tuyết H đã ký kết với Ngân hàng thương mại cổ phần V.

- Sau khi vợ chồng ông Nguyễn Văn Bé B và bà Phan Thị Tuyết H hoàn thành nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần V thì Ngân hàng thương mại cổ phần V hoàn trả lại tài sản thế chấp cho ông Nguyễn Văn Bé B và bà Phan Thị Tuyết H theo quy định.

- Về án phí: Ông Nguyễn Văn Bé B và bà Phan Thị Tuyết H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 11.346.813 đồng (mười một triệu ba trăm bốn mươi sáu nghìn tám trăm mười ba đồng). Tuy nhiên, do ông Nguyễn Văn Bé B là người cao tuổi nên thuộc trường hợp miễn nộp theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án (Ông Nguyễn Văn Bé B được miễn nộp $\frac{1}{2}$ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 5.673.406 đồng). Bà Phan Thị Tuyết H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.673.406 đồng (năm triệu sáu trăm bảy mươi ba nghìn bốn trăm lẻ sáu đồng).

- Ngân hàng thương mại cổ phần V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.119.377 đồng (mười một triệu một trăm mười chín nghìn ba trăm bảy mươi bảy đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007250 ngày 06/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND Khu vực 7 - Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

THẨM PHÁN

Huỳnh Văn Nhựt Minh